

ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA VIỆT VỚI CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM

Tóm tắt: Công giáo du nhập vào Việt Nam vào thế kỉ XVI và đã ghi dấu ấn khá đậm nét với văn hóa Việt từ việc hình thành nên chữ quốc ngữ đến vai trò là chiếc cầu nối văn hóa Đông - Tây, từ những đóng góp vào nền báo chí, văn học nghệ thuật, đến lễ hội, lối sống... ở Việt Nam. Nhưng không có lực nào chỉ tác động một chiều, đơn phương mà không chịu sự phản lực. Công giáo đóng dấu ấn với văn hóa Việt, thì ngược lại, văn hóa Việt cũng có những ảnh hưởng làm thay đổi Công giáo. Bài viết này sẽ góp phần làm rõ những ảnh hưởng của văn hóa Việt với Công giáo ở Việt Nam.

Từ khóa: Văn hóa dân tộc, văn hóa Việt Nam, Công giáo Việt Nam, Công giáo ở Việt Nam.

1. Văn hóa Việt Nam góp phần làm biến đổi Công giáo xa lạ thành một tôn giáo gần gũi với văn hóa dân tộc

Công giáo ra đời ở Trung Đông nhưng lại bén rễ và phát triển mạnh ở Châu Âu, nên khi du nhập vào Việt Nam, nó mang theo nhiều dấu ấn của châu lục này và trở nên xa lạ với người Việt và văn hóa Việt. Chính vì vậy, thời gian đầu, nó bị chống đối khá gay gắt.

Những chống đối và cả thất bại buổi đầu truyền giáo đã buộc các giáo sĩ Công giáo phải “nhập gia tùy tục”. Trước tiên, để có thể giao tiếp với người dân và truyền giáo được thì các giáo sĩ phải biết tiếng Việt. Vì vậy, nhiều giáo sĩ đã học tiếng Việt, rồi tìm cách để ghi lại thứ tiếng “như chim hót” này. Kết quả là chữ quốc ngữ ra đời. Tiếp đó, nhiều kinh sách Công giáo được dịch ra tiếng Việt, tiếng một số dân tộc thiểu số như Banar, Chăm, Khmer, Cơ Ho từ khá sớm và ngày càng gần gũi với người dân. Tiếng Latinh được thay thế dần bằng tiếng Việt hoặc tiếng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Buổi đầu, người Việt gia nhập Công giáo phải bỏ tên cúng cơm để nhận những tên thánh người nước ngoài như Anna, Gioan, Giuse,... Thậm chí, một tín đồ Công giáo được tôn phong thành Chân phước năm 2000 cũng không biết tên thật, mà phải ghi quê quán đi kèm, đó là Chân phước Anrê Phú Yên. Nhưng dần dần, để không trở thành xa lạ, người Công giáo Việt Nam đã sớm gọi tên các danh từ riêng hay kinh sách của mình theo ngôn ngữ Việt. Ví dụ: Xuân Bích, Biển Đức, A Lịch Sơn Đắc Lộ hay Đức Chúa Trời thay vì gọi là Sulpicien, Benedict, Vincent, Alexandre de Rhodes hay Deus.

Về phong tục, điều may mắn là tại Việt Nam, tinh thần hội nhập văn hóa có từ rất sớm. Ngay từ khi có hai giám mục đầu tiên là F. Pallu và Lambert de la Motte, năm 1659, Roma đã căn dặn: “Chư huynh đừng bao giờ muốn sửa đổi, đừng tìm lí lẽ nào ép buộc các

^{*}. TS., Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hà Nội.

dân tộc ấy từ bỏ nghi lễ, tập tục, phong cách của họ, miễn là điều đó không ngang nhiên ngược với đạo thánh và phong hóa tốt. Có gì vô lí và bỉ ổi hơn là mang theo cả nước Pháp, Tây Ban Nha, Italia, hay bất cứ nước nào khác bên trời Âu sang cho dân Á Đông chẳng?”. Thế nhưng, trên thực tế, không hiểu vì quá nhiệt thành, hay vì quá cứng nhắc, một số giáo sĩ đã bắt người tân tông khi gia nhập đạo phải bỏ y phục truyền thống, cắt tóc ngắn, bỏ tên cúng cơm cha mẹ đặt cho, thậm chí phá bàn thờ tiên tổ... Một số giáo sĩ nhanh nhạy như Alexandre de Rhodes phản đối cách làm này và ủng hộ các tập tục làm đám ma trọng thể, cắm cây nêu trong ngày tết của người Việt. Tinh thần canh tân của Công đồng Vatican II cùng với áp lực từ chính văn hóa Việt đã làm cho Giáo hội Công giáo ở Việt Nam cũng dần chấp nhận cho tín đồ của mình được làm các nghi lễ theo truyền thống dân tộc qua *Thông cáo* ngày 14/6/1965 và *Quy định* 6 điểm ngày 14/11/1974.

Quan sát một số lễ hội Công giáo ở Miền Bắc, người ta cũng thấy không khác đám rước trong hội làng truyền thống bao nhiêu. Cũng trống cái, trống con, hội bát âm, cờ ngũ sắc. Nhìn một đám cưới hay đám tang người Công giáo cũng thế. Bây giờ, người Công giáo không chỉ thắp hương trước di ảnh người quá cố mà có nơi còn ghi cả những ước nguyện ra giấy và đốt đi trước bàn thờ nữa.

Văn hóa Việt góp phần làm thay đổi thái độ của Công giáo đối với các tôn giáo khác. Văn hóa Việt Nam vốn khoan dung với tôn giáo nên chấp nhận “Tam giáo đồng nguyên”, “Tam giáo đồng quy”. Khi Công giáo xuất hiện đã coi tất cả các tôn giáo khác là ma quỷ, là đạo dối. Thái độ này bị phản ứng dữ dội từ các tôn giáo khác và cả cộng đồng. Công giáo đã dần dần thay đổi quan niệm. Từ chỗ chỉ chấp nhận hôn nhân cùng đạo đến chỗ gọi các tôn giáo khác “là bạn”, khuyến khích các tín đồ đối thoại, thăm viếng nhau là một bước tiến dài (*Thư chung* 2003). Từ chỗ độc quyền “ơn cứu độ”, tranh luận để chứng minh là đạo chính, lôi kéo tín đồ của các tôn giáo khác đến chỗ thừa nhận giá trị của các tôn giáo khác, không đặt mục tiêu phát triển tín đồ thành ưu tiên hàng đầu là một thay đổi lớn trong thái độ của Công giáo với các tôn giáo ở Việt Nam. Đây là điều kiện thuận lợi để đồng bào các tôn giáo trong các làng “xôi đồ” sống chan hòa với nhau. Ông cha ta xưa dùng từ thật khéo. Chẳng biết Công giáo là gạo nếp hay đỗ hoặc đồng bào không Công giáo là đỗ, là gạo nếp, nhưng chỉ biết rằng, riêng xôi nếp không thể bù như xôi đỗ, riêng đỗ cũng không có vị ngọt, thơm của gạo nếp. Xôi đỗ là món ăn độc đáo của Việt Nam thì làng “xôi đồ” cũng là một sản phẩm tuyệt vời của quan hệ lương giáo ở Việt Nam. Hình ảnh các vị chức sắc, nhà tu hành của Phật giáo và Công giáo ngồi cạnh nhau trong các buổi mít tinh, hay đồng bào các tôn giáo cùng chung nhau xây nhà thờ, dâng hương trước bàn thờ Phật là minh chứng sinh động cho tình đoàn kết các tôn giáo ở Việt Nam.

Văn hóa dân tộc là đã tạo ra một diện mạo mới, một bản sắc riêng cho Công giáo ở Việt Nam trên nhiều bình diện, từ kiến trúc, hội họa, thánh nhạc đến các nghi lễ phụng vụ.

Về kiến trúc, không ít nhà thờ Công giáo ở Việt Nam được xây dựng dưới thời Pháp thuộc, giai đoạn bị người Phương Tây cai trị cả phần đạo lẫn phần đời, nhưng vẫn mang đậm phong cách Việt. Có thể kể ra đây một số kiến trúc tiêu biểu như Nhà thờ Cam Ly

(Lâm Đồng), Nhà thờ Bảo Nham (Nghệ An), quần thể Nhà thờ Phát Diệm (Ninh Bình). Nhà thờ Phát Diệm được xây dựng trên cơ sở các vật liệu truyền thống quen thuộc là gỗ, đá, các nét kiến trúc đình chùa truyền thống như cổng tam quan hay mái ngói cong, nhiều tầng. Kiến trúc Nhà thờ Cam Ly lại thấy thấp thoáng ngôi nhà sàn của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Dĩ nhiên, ngay cả trong các kiến trúc phỏng theo Phương Tây như Nhà thờ Đức Bà (Thành phố Hồ Chí Minh), hay Nhà thờ Phú Nhai (Nam Định), Nhà thờ Lớn (Hà Nội),... người ta vẫn nhận ra bản sắc văn hóa dân tộc qua bàn tay thi công khéo léo của những người thợ Việt Nam. Rất nhiều nhà thờ có các kiến trúc phụ là núi đá nhân tạo, hồ ao, cây xanh như một vũ trụ thu nhỏ theo quan niệm “Thiên - Địa - Nhân nhất thể” của người Phương Đông. Các bức chạm khắc quanh nhà thờ cũng đủ cả đào, cúc, trúc, mai, long, li, quy, phượng. Các gian nhà thờ cũng thường là số lẻ 5, 7, 9, còn chỗ ngồi thì chia ra “nam tử, nữ hữu”. Nhiều nhà thờ mới xây dựng gần đây như Nhà thờ Cửa Nam (Lạng Sơn) cũng mang dáng dấp kiến trúc nhà ở của các dân tộc Tày, Nùng; Nhà thờ Pleichuet (Gia Lai) lại giống ngôi nhà Rông của người Jarai, người Bahnar với chiếc mái trông như một lưỡi rìu khổng lồ.

Về hội họa, từ trước tới nay, các tranh ảnh Công giáo hầu hết do họa sĩ Phương Tây sáng tác, nhất là giai đoạn Phục hưng, được coi là ảnh Thánh. Thế nhưng, nhiều họa sĩ Công giáo người Việt vẫn băn khoăn, tại sao người Việt Nam cũng được dựng lên theo hình ảnh Chúa mà tranh đạo toàn thấy gương mặt người Châu Âu? Từ đó, một số họa sĩ thử tìm tòi và đã thành công. Có thể kể ra đây các tác phẩm tiêu biểu như *Madalena dưới chân Thập giá* của Lê Văn Đề, *Đức Mẹ Việt Nam* của Nam Phong, *Giáng sinh* của Nguyễn Gia Trí, *Đức Mẹ* của Nguyễn Thị Tâm, v.v... Nhân vật trong các bức họa này thật gần gũi, cũng nón lá, áo dài tứ thân, đầu chít khăn mỏ quạ; xen vào đó là hình ảnh con trâu, khóm tre bên mái nhà tranh. Một số tác phẩm đã đoạt giải quốc tế và được trưng bày ở bảo tàng nước ngoài.

Theo con đường Việt hóa, thánh nhạc Việt Nam đã gặt hái được khá nhiều thành công. Ngôn ngữ dùng trong nghi lễ, phụng vụ Công giáo trước đây là tiếng Latinh, vì vậy mới có câu: “Các thầy đọc tiếng Latinh. Các cô con gái thưa kinh dịu dàng”. Nhưng trong điều kiện dân trí còn thấp làm sao người tín hữu có thể miêng đọc tâm suy được? Thế là, một số nhạc sĩ đã thử dịch các bản thánh ca ra tiếng Việt, rồi dùng các điệu dân ca như *lưu thủy hành vân*, *nam ai*, *hát đò* để ghi lại. Nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh với nhiều tên tuổi nổi tiếng như Hùng Lân, Tâm Bảo, Nguyễn Khắc Xuyên, Hoài Đức... chuyên viết thánh nhạc với phương châm “Về nội dung phụng sự Thiên chúa và Tổ quốc. Về nghệ thuật lấy dân ca cổ truyền làm cấu trúc âm thanh”. Một số tác phẩm đã nổi danh trên thế giới như *Đêm đông* của Hải Linh, *Kinh hòa bình* của Kim Long,... Giai điệu quen thuộc từ các làn điệu dân ca ở Bắc Bộ đến hát then xứ Lạng, từ quan họ Bắc Ninh đắm thắm đến Jarai, Banar bốc lửa đều có thể tìm thấy trong các bản thánh ca.

Về văn học, nếu ngay từ buổi đầu, Công giáo ở Việt Nam đã có nhiều người dùng các thể loại thơ ca truyền thống để ghi lại sự tích Kinh Thánh, giáo lí, thì ngày nay, cách

làm này vẫn được duy trì. Các bản dịch Kinh Thánh, sách lễ ngày càng sát hơn và hay hơn với tiếng Việt và tiếng một số dân tộc thiểu số. Nếu trước đây, việc xuất hiện một bản *Các Thánh truyện* của Majorica bằng chữ Nôm, một vở tuồng *Thương khó* của Giám mục Nguyễn Bá Tông là rất hiếm, thì ngày nay, nhiều tác phẩm thơ văn, ca kịch cũng được viết bằng ngôn ngữ, phong cách dân tộc, như các tập thơ của Hàn Mặc Tử, Xuân Ly Băng. Các tác phẩm kí của Hồng y Trịnh Văn Căn, Giám mục Nguyễn Văn Sang... cũng đã được các nhà xuất bản giới thiệu với bạn đọc.

Một nội dung mà bản Monita viết năm 1659 đề cập đến là phải đào tạo hàng ngũ giáo sĩ người bản xứ, vì nếu Giáo hội Công giáo ở Việt Nam vẫn do hàng giáo sĩ người nước ngoài điều hành thì khó có thể hội nhập văn hóa được. Tiếc rằng, điều này thực hiện rất chậm chạp. Mãi sau 135 năm truyền giáo (năm 1668) mới có 4 người Việt được phong chức linh mục, và 400 năm sau (năm 1933) mới có vị giám mục đầu tiên là người Việt. Số liệu thống kê từ năm 1863 đến năm 1945 cho thấy, chỉ có 153 tu sĩ Việt Nam được phong chức linh mục. Năm cao nhất là 1937 có 10 tân linh mục, còn các năm khác chỉ có khoảng 5 - 6 vị. Nguyên nhân của hiện tượng này là do đầu óc kì thị người bản xứ của hàng giáo sĩ nước ngoài. Chỉ đến khi nước nhà độc lập, hàng giáo sĩ Việt Nam mới được tăng trưởng mau chóng. Năm 1960, Tòa Thánh đã thiết lập hàng giáo phẩm Việt Nam. Đến cuối năm 2010, hàng giáo sĩ Công giáo người Việt Nam có 4.050 linh mục, 43 giám mục, 1 hồng y; cũng đã có 5 người Việt được phong chức giám mục ở nước ngoài.

2. Văn hóa Việt góp phần hình thành và phát triển con đường "đồng hành cùng dân tộc" của Công giáo Việt Nam

Khái niệm “đồng hành” không phải mới xuất hiện từ *Thư chung 1980* mà đã được Nguyễn Trường Tộ nêu lên từ năm 1863, và chính bản thân ông cũng là một minh chứng sống động cho con đường đồng hành cùng dân tộc. Theo tinh thần của Công giáo, “đồng hành cùng dân tộc” là: Giáo hội cùng chia sẻ trách nhiệm với dân tộc và người tín hữu tốt phải là một công dân tốt. Tuy nhiên, trong một số văn kiện, khái niệm “đồng hành cùng (hay với) dân tộc” còn được Hội đồng Giám mục Việt Nam dùng theo nghĩa rộng hơn, bao gồm cả việc xây dựng lối sống, nghi lễ của đạo theo bản sắc dân tộc, tức hội nhập văn hóa (*Thư chung 1980*, số 9).

Yêu nước là truyền thống của người Việt Nam và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt văn hóa Việt. Chính truyền thống quý báu này đã thôi thúc nhiều thế hệ người Công giáo đứng lên chống thực dân Pháp. Người đầu tiên đáng nêu tên là nhà cải cách Nguyễn Trường Tộ. Ông đã dâng lên vua 58 bản điều trần mà ngày nay vẫn còn làm ngạc nhiên giới nghiên cứu vì những tư duy táo bạo, đổi mới, vượt lên thời đại lúc bấy giờ. Có những vấn đề ông nêu ra vẫn còn tính thời sự đến hôm nay, như chống tham nhũng, sùng hàng ngoại, “làm cho dân giàu mà nước cũng giàu”. Nguyễn Trường Tộ cũng là một nhà tư tưởng lớn ở Việt Nam với tác phẩm tiêu biểu “*Ánh sáng cũng là vật chất trong vũ trụ*”⁽¹⁾. Đây là quan điểm khoa học không chỉ mới lạ ở nước ta mà cả với thế giới hồi cuối thế kỉ XIX.

Còn Linh mục Đặng Đức Tuấn (1806 - 1874) lại đưa ra *Hiếu sách bình Tây*, rồi *Minh đạo bình Tây sách* tố cáo thực dân Pháp mượn tiếng bảo vệ đạo để xâm chiếm nước ta. Tại Yên Mô (Ninh Bình), sĩ phu Công giáo Đinh Văn Điền, năm 1868 cũng tâu lên vua một loạt kế sách “đặt doanh điền, khai mỏ vàng, đóng tàu thủy, mở cửa mời người nước ngoài, lập ra Ty Bình Chuẩn để lưu thông hàng hóa, tăng lương cho binh lính để chuyên cần tập luyện, khi lâm sự hậu thưởng phẩm vật, khi chết xét dùng con cháu, khi bị thương tật, cấp dưỡng suốt đời”⁽²⁾. Nhiều người Công giáo cũng tham gia phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp và trở thành những vị chỉ huy can đảm như Đội Vũ (Nam Định), Lãnh Phiên (Quảng Bình). Ngay cả những giáo sĩ đã được người Pháp đào tạo cũng tham gia các hoạt động chống thực dân Pháp. Ở Nghệ An, đầu thế kỉ XX, nhiều tên tuổi người Công giáo yêu nước được nhắc đến như tu sĩ Mai Lão Bạng, Lê Khánh, các linh mục Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Thần Đồng, Đậu Quang Lĩnh,... Họ cũng bị bắt, bị đày đến Côn Đảo và có người đã chết trong tù ngục. Một số người đã đi theo cách mạng và trở thành cán bộ cao cấp sau này như Trương Văn Lĩnh (1902-1946), Trần Tử Bình (1903-1967).

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước, tinh thần dân tộc của người Công giáo. Trong rừng người diễu hành qua quảng trường ngày 2/9/1945 có cả đoàn các linh mục, chủng sinh và giáo dân. Bốn giám mục Việt Nam lúc đó đã gửi hai điện văn cho Tòa Thánh và tín hữu toàn cầu, đề nghị ủng hộ nền độc lập của dân tộc với lời lẽ rất cảm động.

Khao khát nước nhà độc lập nên nhiều người Công giáo Việt Nam đã dễ dàng đi theo cách mạng. Những ngày đầu kháng chiến gian khổ, Giám mục Hồ Ngọc Cẩn (Bùi Chu) đã ủng hộ cả dây chuyền vàng cho chính phủ Việt Minh. Trong nhiều chức vụ quan trọng của Chính phủ, Quốc hội, người ta thấy có mặt người Công giáo như Linh mục Phạm Bá Trục, các ông Ngô Tử Hạ, Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Đình Tụng,... Tại Miền Nam có nhà cả 3 linh mục, 2 nữ tu đều theo kháng chiến như gia đình Linh mục liệt sĩ Nguyễn Bá Luật. Ở Miền Bắc, nhiều cá nhân, tập thể người Công giáo đã được tặng danh hiệu “Anh hùng lao động”, “Anh hùng lực lượng vũ trang”. Đất nước thống nhất đã đem lại cho người Công giáo một cơ hội mới là sống tinh thần canh tân của Công đồng Vatican II nên đã thổi sinh khí vào *Thư chung 1980* với đường hướng “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc”.

Vì xác định đồng hành cùng dân tộc, nên nhiều vấn đề bức xúc của xã hội đã được Giáo hội Công giáo hướng dẫn thực hiện như vấn đề học hành ở vùng giáo, ngăn chặn các tệ nạn như cờ bạc, ma túy, kêu gọi giáo dân tham gia bầu cử, chấp hành luật giao thông hay quyên góp ủng hộ các nạn nhân bị thiên tai. Một số vấn đề thuộc loại tế nhị, chẳng hạn như vấn đề dân số, các giám mục cũng mạnh mẽ phê phán quan niệm “Trời sinh voi, Trời sinh cỏ”, và cho rằng, quan niệm đó chỉ thích hợp với hoàn cảnh nông nghiệp “đất rộng người thưa”, còn bây giờ phải “sinh đẻ có trách nhiệm và giáo dục con cái” (*Thư chung 1992, số 11*). Một số giám mục còn ra thông cáo hay thư chung để xử lí các vụ khiếu kiện liên quan đến đất đai có nguồn gốc tôn giáo như ở Thanh Châu (Thái Bình) năm 2002, hay Cồn Dầu (Đà Nẵng) năm 2011, góp phần ổn định trật tự tại địa phương.

Khi xã hội bước vào nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều mặt trái gây ra những bức xúc cho dư luận như đạo đức bị xói mòn, tệ nạn xã hội gia tăng, giới Công giáo đã chủ động đẩy mạnh những hoạt động từ thiện xã hội. Giới Công giáo khắp nơi đã đứng ra tổ chức các lớp học tình thương, phòng khám bệnh miễn phí, những trung tâm chăm sóc trẻ em lang thang và người già cô đơn.

Công giáo trước đây, có lúc, có bộ phận đã chống lại văn hóa dân tộc hay cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thì nay đã có những tuyên ngôn rất rõ ràng: “Yêu Tổ quốc yêu đồng bào đối với người Công giáo không những là tình cảm tự nhiên phải có mà còn là một đòi hỏi của Phúc âm... Lòng yêu nước của chúng ta phải thiết thực nghĩa là chúng ta phải ý thức những vấn đề hiện tại của quê hương, phải hiểu biết đường lối chính sách của Nhà nước và tích cực cùng đồng bào toàn quốc góp phần bảo vệ và xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, tự do, hạnh phúc” (*Thư chung 1980, số 10*).

Tóm lại, nếu văn hóa Việt đã ghi nhận những đóng góp của Công giáo, thì Công giáo cũng phải “cảm ơn” văn hóa Việt vì đã góp phần làm biến đổi tôn giáo này để nó dần trở thành Công giáo Việt Nam chứ không phải là Công giáo ở Việt Nam./.

CHÚ THÍCH

¹. Trương Bá Cần (1999), *Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh: 419.

². *Đại Nam thực lục chính biên*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1974: 262- 263.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bá Cần (1999), *Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Đại Nam thực lục chính biên*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1974.
3. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Thư Chung 1980, số 9*.
4. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Thư Chung 1980, số 10*.
5. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Thư Chung 1992, số 11*.
6. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Thư Chung 2003*.

Summary:

THE INFLUENCE OF VIETNAMESE CULTURE ON VIETNAMESE CATHOLICISM

Catholicism entered Vietnam in the beginning of the 16th century and has left many stamps in Vietnamese culture such as the formation of national language, the role of bridge between Eastern - Western cultures, Catholic contributions to Vietnamese newspapers, art, literature, festivals and lifestyle in Vietnam. But not any influence has one-way impact. Catholicism has not only left many stamps in Vietnamese culture but it has been influenced and changed by Vietnamese culture. This article contributes to bring out the influence of Vietnamese culture on Catholicism in Vietnam

Key words: Vietnamese culture, Vietnamese Catholicism, Catholicism in Vietnam.